

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2101/QĐ-ĐHTCM, ngày 8 tháng 10 năm 2019
của Hiệu trưởng trường Đại học Tài chính – Marketing)

Tên chương trình : TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP – CLC
Tên tiếng Anh : CORPORATE FINANCE - CLC
Trình độ đào tạo : ĐẠI HỌC
Ngành đào tạo : TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG Mã số:

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành tài chính – ngân hàng, chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; nắm vững những kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội, có năng lực nghiên cứu, hoạch định chính sách và giải quyết các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- **Mục tiêu 1:** Vận dụng được những kiến thức toán học, khoa học xã hội cơ bản vào lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.
- **Mục tiêu 2:** Vận dụng được những lý thuyết kinh tế vào lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.
- **Mục tiêu 3:** Phân tích được những vấn đề chuyên môn có liên quan đến lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.
- **Mục tiêu 4:** Sử dụng được ngoại ngữ, các phương pháp, công cụ, nghiệp vụ liên quan đến chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp để có thể làm việc trong môi trường đa ngành và đa văn hóa.
- **Mục tiêu 5:** Có ý thức về đạo đức, trách nhiệm trong chuyên môn nghề nghiệp, cũng như ý thức bảo vệ lợi ích tổ chức và quốc gia.
- **Mục tiêu 6:** Có khả năng cập nhật kiến thức mới nhằm đáp ứng nhu cầu công việc và học tập nâng cao trình độ

2. CHUẨN ĐẦU RA

(Chuẩn đầu ra của người tốt nghiệp Đại học phải đạt Bậc 6 của Khung trình độ quốc gia Việt Nam được phê duyệt tại Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ)

NỘI DUNG	CHUẨN ĐẦU RA	Mức độ đáp ứng của người học (theo chuẩn thang đo Bloom)
Kiến thức	<p>K1. Có các kiến thức về Lý luận chính trị và khoa học xã hội cơ bản nhằm giải quyết các vấn đề có liên quan đến lĩnh vực kinh tế</p> <p>K2. Có khả năng vận dụng được các kiến thức toán học, phân tích thống kê nhằm giải quyết các vấn đề có liên quan đến lĩnh vực kinh tế</p> <p>K3. Có kiến thức về kinh tế học để vận dụng giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng</p> <p>K4. Có khả năng vận dụng được các kiến thức kinh tế nhằm đáp ứng việc tiếp thu kiến thức chuyên ngành và giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng</p> <p>K5. Có khả năng thu thập thông tin, viết báo cáo, truyền đạt kết quả và đưa ra các kiến nghị nhằm giải quyết vấn đề liên quan đến lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng</p> <p>K6. Có khả năng thực hiện các nghiệp vụ và xác định được quy trình vận hành của doanh nghiệp, ngân hàng, các tổ chức bảo hiểm và các tổ chức tài chính nhà nước</p> <p>K7. Hiểu và vận dụng tốt các nghiệp vụ chuyên sâu của lĩnh vực tài chính ngân hàng trong thực tiễn hoạt động của các doanh nghiệp, các định chế tài chính,....</p> <p>K8. Có khả năng phân tích và hoạch định chính sách và các kế hoạch hoạt động chuyên môn của lĩnh vực tài chính ngân hàng trong thực tiễn.</p>	
Kỹ năng	<p>S1. Vận dụng được kiến thức lý luận vào thực tiễn công việc thuộc lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, thuế, hải quan, thẩm định giá, ...</p> <p>S2. Nhận định chính xác vấn đề và đưa ra kết luận về các vấn đề liên quan đến chuyên môn cụ thể thuộc lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, thuế,</p>	

	<p>hải quan, thẩm định giá, ...</p> <p>S3. Thực hiện thành thạo các nghiệp vụ chuyên môn cụ thể thuộc lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, thuế, hải quan, thẩm định giá, ...</p> <p>S4. Quản trị nhóm, ra quyết định, truyền đạt vấn đề, sáng tạo, chủ động trong giao tiếp và giải quyết công việc</p> <p>S5. Ứng dụng tốt tin học và ngoại ngữ trong công việc</p>	
Mức tự chủ và chịu trách nhiệm	<p>A1. Tự định hướng cho bản thân để thích nghi với công việc, phát triển nghề nghiệp</p> <p>A2. Tự xây dựng kế hoạch học tập, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức và tích lũy kinh nghiệm chuyên môn nghề nghiệp.</p> <p>A3. Tôn trọng nguyên tắc làm việc nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm</p> <p>A4. Tuân thủ nguyên tắc, đạo đức nghề nghiệp</p>	

3. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 4 năm

4. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 127 tín chỉ (không kể giáo dục an ninh quốc phòng, giáo dục thể chất và kỹ năng mềm)

Trong đó:

- Khối kiến thức giáo dục đại cương: 40 tín chỉ.
- Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 87 tín chỉ.

5. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Theo quy chế tuyển sinh của Bộ giáo dục và đào tạo.

6. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO

Theo qui định đào tạo Học chế tín chỉ ban hành tại Quyết định số 781/QĐ-ĐHTCM ngày 06/06/2017 của trường Đại học Tài Chính – Marketing

7. ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

- Tích lũy đủ 127 tín chỉ (không kể giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng – an ninh) và thỏa các điều kiện theo Qui định ở Điều 29, chương V, Qui định về tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ của trường, ban hành tại Quyết định số 1194/QĐ/ĐHTCM-QLĐT, ngày 19/7/2012; Qui định về chuẩn đầu ra của trường đối với bậc đại học hệ chính quy.

- Điều kiện về trình độ tin học: (Theo Thông báo số 1193/TB-ĐHTCM ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Hiệu trưởng trường Đại học Tài chính – Marketing Về việc hướng dẫn thực hiện Chuẩn đầu ra tiếng Anh và tin học đối với sinh viên các khóa đào tạo bậc đại học hệ chính quy).

• Đối với các khóa đào tạo có chuẩn đầu ra áp dụng chứng chỉ A, B tin học: áp dụng một trong các điều kiện sau:

+ Chứng chỉ tin học văn phòng quốc tế MOS cấp độ Specialist (MS. Word, MS. Excel) do Microsoft cấp.

+ Bằng tốt nghiệp Đại học hoặc Cao đẳng ngành Công nghệ thông tin hay Hệ thống thông tin quản lý hệ chính quy hoặc hệ vừa làm vừa học.

+ Chứng nhận tin học đạt trình độ tương đương trình độ ứng dụng CNTT cơ bản do trường Đại học Tài chính – Marketing tổ chức kiểm tra.

+ Chứng chỉ ứng dụng CNTT cơ bản (theo Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21 tháng 6 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông về quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng CNTT) do các cơ sở giáo dục công lập cấp theo sự cho phép của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Chứng chỉ tin học trình độ A, B còn thời hạn giá trị do Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học của trường Đại học Tài chính – Marketing cấp hoặc do các Trung tâm đào tạo tin học thuộc các cơ sở đào tạo đại học công lập thuộc hệ thống giáo dục Việt Nam cấp theo sự cho phép của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Chứng nhận tin học đạt trình độ tương đương trình độ A, B do trường Đại học Tài chính – Marketing tổ chức kiểm tra.

- Đối với các khóa đào tạo có chuẩn đầu ra áp dụng chứng chỉ tin học MOS: áp dụng một trong các điều kiện sau: (Theo Thông báo số 1193/TB-ĐHTCM ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Hiệu trưởng trường Đại học Tài chính – Marketing Về việc hướng dẫn thực hiện Chuẩn đầu ra tiếng Anh và tin học đối với sinh viên các khóa đào tạo bậc đại học hệ chính quy).

+ Chứng chỉ tin học văn phòng quốc tế MOS cấp độ Specialist (MS. Word, MS. Excel) do Microsoft cấp.

+ Bằng tốt nghiệp Đại học hoặc Cao đẳng ngành Công nghệ thông tin hay Hệ thống thông tin quản lý hệ chính quy hoặc hệ vừa làm vừa học.

+ Chứng nhận tin học đạt trình độ tương đương trình độ ứng dụng CNTT cơ bản do trường Đại học Tài chính – Marketing tổ chức kiểm tra.

+ Chứng chỉ ứng dụng CNTT cơ bản (theo Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21 tháng 6 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông về quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ

ứng dụng CNTT) do các cơ sở giáo dục công lập cấp theo sự cho phép của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Điều kiện về trình độ tiếng Anh:

Chương trình đào tạo áp dụng	Cấp độ theo Khung tham chiếu chung Châu Âu (CEFR)	Cấp độ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	IELTS	TOEFL (PBT/CBT/iBT)	TOEIC	Kết quả kiểm tra tiếng Anh do trường Đại học Tài chính-Marketing tổ chức
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Chương trình chất lượng cao	B2	4/6	5.0	500/173/61	570	

Ghi chú:

- Các điểm số, cấp độ nêu trên là điểm số, cấp độ tối thiểu cần đạt được; điểm số tô đậm là điểm số của chứng chỉ tương ứng đã nêu trong nội dung chuẩn đầu ra.

- (1), (2): là các chứng chỉ xác nhận trình độ ngoại ngữ theo Khung tham chiếu chung châu Âu (CEFR) hoặc theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do các cơ sở giáo dục công lập cấp theo sự cho phép của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- (3): là Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS do Hội đồng Anh, Đại học Cambridge, IDP-Úc cấp.

- (4), (5): là Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế TOEIC, TOEFL do Viện Khảo thí giáo dục Hoa Kỳ (ETS) cấp qua đại diện tại Việt Nam – Trung tâm IIG Việt Nam.

- (6): Xác nhận đạt yêu cầu trình độ tiếng Anh theo quy định chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo tại kỳ kiểm tra tiếng Anh do trường Đại học Tài chính – Marketing tổ chức.

- Có chứng chỉ Giáo dục an ninh quốc phòng;
- Có chứng chỉ Giáo dục thể chất;
- Kỹ năng mềm: 4/8 kỹ năng như sau:

Hoàn thành 2 trong 4 kỹ năng cần cho sinh viên trong việc học đại học:

- Kỹ năng thuyết trình
- Kỹ năng Làm việc nhóm
- Kỹ năng Quản lý thời gian
- Kỹ năng Tư duy sáng tạo

Hoàn thành 2/4 kỹ năng thuộc nhóm kỹ năng cần cho sinh viên trong làm việc

- Kỹ năng Giao tiếp
- Kỹ năng Giải quyết vấn đề
- Kỹ năng tìm việc
- Kỹ năng Khám phá bản thân và lập kế hoạch nghề nghiệp

8. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ

- Thang điểm đánh giá kết quả học tập các học phần của sinh viên theo quy định ở Điều 5, Chương I qui định về đào tạo theo học chế tín chỉ của trường ban hành tại Quyết định số 781/QĐ-ĐHTCM ngày 06/06/2017.
- Sinh viên thực tập cuối khóa và viết Khóa luận tốt nghiệp (hoặc học các học phần thay thế) theo quy định ở Điều 19, chương III quy định về đào tạo theo học chế tín chỉ của trường ban hành tại Quyết định số 781/QĐ-ĐHTCM ngày 06/06/2017 của trường Đại học Tài Chính – Marketing quy định về đào tạo theo học chế tín chỉ.

9. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

STT/mã HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức				Môn học tiên quyết
				LT	Thực hành tích hợp	TH tại PM, MP, DN	Tự học	
1. Kiến thức giáo dục đại cương								
<i>1.1 Lý luận chính trị: 11 tín chỉ</i>								

	Triết học Mác – Lênin		3	45			90	
	Kinh tế chính trị Mác – Lênin		2	30			60	
	Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	30			60	
	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam		2	30			60	
	Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh's Ideology)		2	30			60	
1.2 Khoa học xã hội: 3 tín chỉ								
10637	Pháp luật đại cương (Basic Laws)		3	45			90	
1.3 Ngoại ngữ: 18 tín chỉ								
10640	Anh văn căn bản 1 (GeneralEnglish 1)		3	45			90	
10022	Anh văn căn bản 2 (GeneralEnglish 2)		3	45			90	
10023	Anh văn căn bản 3 (GeneralEnglish 3)		3	45			90	
10024	Anh văn căn bản 4 (GeneralEnglish 4)		3	45			90	
	Anh văn căn bản 5 (GeneralEnglish 5)		3	45			90	
	Anh văn căn bản 6 (GeneralEnglish 6)		3	45			90	
1.4 Toán – Tin học – Khoa học tự nhiên – Công nghệ - Môi trường: 8 tín chỉ								
10025	Toán cao cấp (Calculus)		4	60			120	

10638	Tin học đại cương (Basic Informatics)		4	45		30	120	
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp								
2.1 Kiến thức cơ sở: 21 tín chỉ								
010031	Kinh tế vi mô 1 (Microeconomics 1)		3	45			90	
010032	Kinh tế vĩ mô 1 (Macroeconomics 1)		3	45			90	
	Nguyên lý kế toán (Principles of accounting)		3	45			90	
	Nguyên lý marketing (Basic Marketing)		3	45			90	
	Quản trị học (Introduction to Management)		3	45			90	
	Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 1 (The economics of money, banking and financial markets 1)		3	45			90	Giảng bằng tiếng Anh
	Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng (Theories of Probability and statistics)		3	45			90	
2.2 Kiến thức ngành: 29 tín chỉ								
	Nguyên lý thẩm định giá (Principles of Valuation)		3	45			90	
	Tài chính công (Public finance)		3	45			90	

	Thuế 1 (Taxation 1)		3	45			90	
	Thị trường chứng khoán (Securities Markets)		3	45			90	
	Nguyên lý và thực hành bảo hiểm (Principles and Practices of insurance)		3	45			90	
	Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 2 (The economics of money, banking and financial markets 2)		2	30			60	Giảng bằng tiếng Anh
	Tài chính doanh nghiệp 1 (Corporate Finance 1)		3	45			90	Giảng bằng tiếng Anh
	Ngân hàng thương mại (Commercial Bank)		3	45			90	
	Tài chính quốc tế (International Finance)		3	45			90	Giảng bằng tiếng Anh
	Kinh tế lượng (Econometrics)		3	45			90	
2.3 Kiến thức chuyên ngành: 25 tín chỉ								
	Học phần bắt buộc		19	14			5	
	Tài chính doanh nghiệp 2 (Corporate Finance 2)		3	45			90	Giảng bằng tiếng Anh
	Quản trị rủi ro tài chính (Financial Risk)		3	45			90	

	Management)						
	Phân tích Tài chính doanh nghiệp (Corporate Finance Analysis)		3	45			90
	Mô hình tài chính (Financial Modelling)		3	30		30	90
	Thực hành nghề nghiệp (Practicum)		2			60	60
	Mô phỏng đầu tư tài chính (Financial Investment Practice)		2			60	60
	Quản trị tài chính công ty đa quốc gia (Multinational Financial Management)		3	45			90
	Học phần tự chọn (Các môn tự chọn nên tạo thành từng nhóm theo vị trí việc làm)		6	6			
	Tài chính hành vi (Behavioral Finance) <i>Hoặc</i> Hợp nhất, mua bán doanh nghiệp (Mergers and Acquisitions)		3	45			90
	Thị trường chứng khoán phái sinh (Derivatives securities market) <i>Hoặc</i> Quản lý danh mục		3	45			90

	(Financial Investment)							
2.4 Kiến thức bổ trợ ngành: 6 tín chỉ								
	Hoạch định ngân sách vốn đầu tư (Capital Budgeting) <i>Hoặc</i> Thẩm định dự án đầu tư (Investment Appraisal)		3	45			90	
	Kế toán tài chính (Financial Accounting) <i>Hoặc</i> Toán tài chính (Financial Mathematic)		3	45			90	
3. Tốt nghiệp: 6 tín chỉ								
	Khóa luận tốt nghiệp		6			180	180	
Hoặc:								
	Thực tập cuối khóa		3	45			90	
	Chiến lược Tài chính công ty (Corporate Financial Strategy)		3			90	90	
TỔNG CỘNG		127						

10. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Năm 1

STT	HỌC PHẦN	TC	ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT	MÔN HỌC TRƯỚC	GHI CHÚ
1	Triết học Mác – Lênin	3			
2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2		Triết học Mác – Lênin	

3	Toán cao cấp	4			
4	Tin học đại cương	4			
5	Kinh tế vi mô 1	3			
6	Kinh tế vĩ mô 1	3			
7	Nguyên lý kế toán	3			
8	Nguyên lý marketing	3			
9	Quản trị học	3			
10	Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 1	3			Giảng bằng Tiếng Anh
11	Anh văn căn bản 1	3			
12	Anh văn căn bản 2	3			
13	Anh văn căn bản 3	3			
	Tổng cộng	40			

Năm 2

STT	HỌC PHẦN	TC	ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT	MÔN HỌC TRƯỚC	GHI CHÚ
1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		Triết học Mác - Lênin	
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		Chủ nghĩa xã hội khoa học	
3	Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng	3		Toán cao cấp	
4	Anh văn căn bản 4	3			
5	Anh văn căn bản 5	3			
6	Anh văn căn bản 6	3			
7	Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 2	2			Giảng bằng Tiếng Anh
8	Nguyên lý thẩm định giá	3			

9	Pháp luật đại cương	3			
10	Kế toán tài chính Toán tài chính	3			
11	Nguyên lý và thực hành bảo hiểm	3			
12	Thuế 1	3			
13	Thị trường chứng khoán	3			
14	Tài chính doanh nghiệp 1	3			Giảng bằng Tiếng Anh
15	Ngân hàng thương mại	3			
	Tổng cộng	42			

Năm 3

STT	HỌC PHẦN	TC	ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT	MÔN HỌC TRƯỚC	GHI CHÚ
1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2			
2	Kinh tế lượng	3			
3	Tài chính công	3			
4	Tài chính doanh nghiệp 2	3			Giảng bằng Tiếng Anh
5	Tài chính quốc tế	3			Giảng bằng Tiếng Anh
6	Quản trị rủi ro tài chính	3			
7	Mô hình tài chính	3			
8	Phân tích Tài chính doanh nghiệp	3			
9	Thị trường chứng khoán phái sinh Quản lý danh mục đầu tư Đầu tư tài chính	3			Tự chọn
10	Thực hành nghề nghiệp	2			
11	Mô phỏng đầu tư tài chính	2			
12	Quản trị tài chính công ty đa quốc gia	3			

13	Tài chính hành vi Hợp nhất, mua bán doanh nghiệp	3			Tự chọn
14	Hoạch định ngân sách vốn đầu tư Thẩm định dự án đầu tư	3			Tự chọn
	Tổng cộng	39			

Năm 4

STT	HỌC PHẦN	TC	ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT	MÔN HỌC TRƯỚC	GHI CHÚ
	Khóa luận tốt nghiệp	6			
Hoặc:					
	Thực tập cuối khóa	3			
và	Chiến lược Tài chính công ty (Corporate Financial Strategy)	3			
	TỔNG	6			

11. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

12. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN TRONG CHƯƠNG TRÌNH (mỗi môn học có ghi rõ chuẩn đầu ra)

12.1. Triết học Mác-Lênin

- ❖ Môn học trước: Không
- ❖ Tóm tắt nội dung môn học: Trang bị cho sinh viên một cách tương đối có hệ thống những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của Triết học Mác - Lênin. Bước đầu biết vận dụng các nguyên lý cơ bản của Triết học Mác - Lênin vào nghiên cứu khoa học thể dục thể thao, cũng như phân tích các vấn đề thực tiễn cuộc sống đặt ra.
- ❖ Chuẩn đầu ra: Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT K1; S1, S2, S3, S4; A1, A2, A3, A4

12.2. Kinh tế chính trị Mác Lênin

- ❖ Môn học trước: Triết học Mac - Lênin
- ❖ Tóm tắt nội dung môn học: Cung cấp cho sinh viên một cách tương đối hệ thống, có chọn lọc những kiến thức cơ bản của môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin. Trên cơ sở đó, hiểu được các quan điểm của Đảng về đường lối, chính sách kinh tế trong thời kỳ quá độ ở nước ta, góp phần

xây dựng, củng cố lòng tin vào Đảng và chế độ XHCN ở nước ta. Tiếp tục bồi dưỡng thế giới quan, phương pháp luận và tư duy kinh tế, bước đầu biết vận dụng kiến thức kinh tế chính trị vào việc phân tích các vấn đề kinh tế, xã hội và thực tiễn đất nước.

- ❖ Chuẩn đầu ra: Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT K1; S1, S2, S3, S4; A1, A2, A3, A4.

12.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

- ❖ Môn học trước: Triết học Mac – Lênin, Kinh tế chính trị Mac - Lênin
- ❖ Tóm tắt nội dung môn học: Cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học, những căn cứ lý luận khoa học để hiểu Cương lĩnh xây dựng đất nước, đường lối chính sách xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt nam; lý giải và có thái độ đúng đắn với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội – con đường mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn.
- ❖ Chuẩn đầu ra: Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT K1; S1, S2, S3, S4; A1, A2, A3, A4.

12.4. Lịch sử đảng cộng sản Việt Nam

- ❖ Môn học trước: Triết học Mac – Lênin, Kinh tế chính trị Mac - Lênin
- ❖ Tóm tắt nội dung môn học: Cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản của lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, giúp cho sinh viên hiểu biết một cách có hệ thống và tương đối toàn diện về sự ra đời, về sứ mệnh lịch sử, tổ chức và lãnh đạo cách mạng của Đảng (bằng Cương lĩnh, chiến lược các định hướng lớn về chính sách chủ trương công tác tuyên truyền, vận động, kiểm tra, tổ chức quần chúng đấu tranh, bằng hành động tiên phong gương mẫu của cán bộ đảng viên...)
- ❖ Chuẩn đầu ra: Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT K1; S1, S2, S3, S4; A1, A2, A3, A4.

12.5. Tư tưởng Hồ Chí Minh

- ❖ Môn học trước: Triết học Mac – Lênin
- ❖ Tóm tắt nội dung môn học: Cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của CMVN, là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo CN Mác Lênin, vào điều kiện cụ thể nước ta, đồng thời là kết tinh tinh hoa dân tộc và trí tuệ thời đại về giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người.
- ❖ Chuẩn đầu ra: Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT K1; S1, S2, S3, S4; A1, A2, A3, A4.

12.6. Giáo dục thể chất

Nội dung ban hành Quyết định số 3244/GD-ĐT ngày 12/09/1995 và Quyết định số 1262/GD-ĐT ngày 12/04/1997 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

12.7. Giáo dục quốc phòng

Nội dung ban hành tại Quyết định số 12/2000/QĐ-BGD&ĐT, ngày 09/05/2000 của Bộ trưởng Bộ Giáo Dục và Đào tạo.

12.8. Pháp luật đại cương

- ❖ Môn học trước: Triết học Mac – Lên nin, Kinh tế chính trị Mac - Lênin
- ❖ Tóm tắt nội dung môn học: Học phần giới thiệu các khái niệm, các phạm trù chung cơ bản nhất về Nhà nước và pháp luật dưới góc độ của khoa học quản lý. Trên cơ sở đó, đi vào phân tích: Cấu trúc của bộ máy Nhà nước cũng như chức năng, thẩm quyền và địa lý pháp lý của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam; Tính chất pháp lý và cơ cấu của hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật; Một số nội dung cơ bản của Luật Hành chính, Luật Dân sự, Luật Hình sự.
- ❖ Chuẩn đầu ra: Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT K1; S1, S2, S3, S4; A1, A2, A3, A4.

12.9. Anh Văn căn bản 1

- ❖ Môn học trước: Đạt điểm thi đầu vào TOEIC \geq 200
- ❖ Tóm tắt nội dung môn học: Học phần Anh văn căn bản 1 (AVCB1) thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương được xây dựng dành cho sinh viên không chuyên ngữ đạt điểm đầu vào tiệm cận trình độ A2 theo khung năng lực tiếng Anh CEFR (Common European Framework of Reference) (TOEIC \geq 200), mở rộng vốn từ vựng về các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống, ôn luyện cấu trúc ngữ pháp sử dụng thường xuyên liên quan nhu cầu giao tiếp cơ bản (như các thông tin về gia đình, bản thân, đi mua hàng, hỏi đường, việc làm...), luyện phát âm những từ, cụm từ và cách diễn đạt đã học, phát triển các kỹ năng tiếng Anh giao tiếp ở cấp độ sơ trung cấp (B1.1).
- ❖ Chuẩn đầu ra: Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT K1; S5; A1, A2, A3, A4.

12.10. Anh Văn căn bản 2

- ❖ Môn học trước: Anh văn căn bản 1
- ❖ Tóm tắt nội dung môn học: Học phần Anh văn căn bản 2 (AVCB 2) thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương được giảng dạy sau khi sinh viên hoàn thành học phần AVCB 1. Học phần cung cấp vốn từ vựng và ngữ pháp cơ bản để xử lý các tình huống giao tiếp thông dụng hằng ngày với nội dung có thể đoán trước, rèn luyện và phát triển các kỹ năng giao tiếp thuộc chủ

đề môi trường xung quanh và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu ở cấp độ sơ trung cấp theo Khung năng lực tiếng Anh CEFR.

- ❖ Chuẩn đầu ra: Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT K1; S5; A1, A2, A3, A4.

12.11. Anh Văn căn bản 3

- ❖ Môn học trước: Anh văn căn bản 2
- ❖ Tóm tắt nội dung môn học: Học phần Anh văn căn bản 3 (AVCB3) thuộc khối kiến thức đại cương, được giảng dạy sau khi sinh viên hoàn thành học phần AVCB 2. Học phần mở rộng vốn từ vựng và ngữ pháp để mô tả tình huống không thể đoán trước, diễn đạt mong muốn bản thân, thể hiện suy nghĩ về các vấn đề mang tính trừu tượng ở cấp độ tiệm cận trung cấp B1.3 theo Khung năng lực tiếng Anh CEFR.
- ❖ Chuẩn đầu ra: Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT K1; S5; A1, A2, A3, A4.

12.12. Anh Văn căn bản 4

- ❖ Môn học trước: Anh văn căn bản 3
- ❖ Tóm tắt nội dung môn học: Học phần Anh văn căn bản 4 (AVCB4) thuộc khối kiến thức đại cương, được giảng dạy sau khi sinh viên hoàn thành học phần AVCB 3, giúp sinh viên mở rộng vốn từ vựng và kiến thức ngữ pháp để diễn đạt bản thân và giao tiếp về hầu hết các chủ đề đa dạng như gia đình, thói quen, sở thích, công việc, du lịch và các sự kiện đang diễn ra, kiến thức và kỹ năng giao tiếp tiếng Anh tương đương trình độ trung cấp theo Khung Năng lực tiếng Anh CEFR.
- ❖ Chuẩn đầu ra: Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT K1; S5; A1, A2, A3, A4.

12.13. Anh Văn căn bản 5

- ❖ Môn học trước: Anh văn căn bản 4
- ❖ Tóm tắt nội dung môn học: Học phần Anh văn căn bản 5 (AVCB5) thuộc khối kiến thức đại cương, được giảng dạy sau khi sinh viên hoàn thành học phần AVCB 4, giúp sinh viên mở rộng vốn từ vựng và kiến thức ngữ pháp để diễn đạt bản thân và giao tiếp về hầu hết các chủ đề đa dạng như gia đình, thói quen, sở thích, công việc, du lịch và các sự kiện đang diễn ra, kiến thức và kỹ năng giao tiếp tiếng Anh tương đương trình độ trung cấp theo Khung Năng lực tiếng Anh CEFR.
- ❖ Chuẩn đầu ra: Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT K1; S5; A1, A2, A3, A4.

12.14. Anh Văn căn bản 6

- ❖ Môn học trước: Anh văn căn bản 5
- ❖ Tóm tắt nội dung môn học: Học phần Anh văn căn bản 5 (AVCB5) thuộc khối kiến thức đại cương, được giảng dạy sau khi sinh viên hoàn thành học phần AVCB 5, giúp sinh viên mở rộng vốn từ vựng và kiến thức ngữ pháp

kiến thức và kỹ năng giao tiếp tiếng Anh tương đương trình độ trung cấp theo Khung Năng lực tiếng Anh CEFR.

- ❖ Chuẩn đầu ra: Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT K1; S5; A1, A2, A3, A4.

12.14. Anh Văn căn bản 6

- ❖ Môn học trước: Anh văn căn bản 5
- ❖ Tóm tắt nội dung môn học: Học phần Anh văn căn bản 6 (AVCB6) thuộc khối kiến thức đại cương, được giảng dạy sau khi sinh viên hoàn thành học phần AVCB 5, giúp sinh viên mở rộng vốn từ vựng và kiến thức ngữ pháp để diễn đạt bản thân và giao tiếp về hầu hết các chủ đề đa dạng như gia đình, thói quen, sở thích, công việc, du lịch và các sự kiện đang diễn ra, kiến thức và kỹ năng giao tiếp tiếng Anh tương đương trình độ trung cấp theo Khung Năng lực tiếng Anh CEFR.
- ❖ Chuẩn đầu ra: Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT K1; S5; A1, A2, A3, A4.

12.15. Toán cao cấp

- ❖ Môn học trước: Không
- ❖ Tóm tắt nội dung môn học: Cung cấp kiến thức cơ bản về Đại số tuyến tính và Giải tích toán học thực sự cần thiết cho việc tiếp cận với các mô hình phân tích quá trình ra quyết định trong kinh tế và quản lý: Không gian véctơ; Ma trận và định thức; Hệ phương trình tuyến tính; Hàm số và giới hạn; Phép tính vi phân đối với hàm số một biến; Hàm nhiều biến; Các bài toán cực trị; phép tính tích phân; Phương trình vi phân.
- ❖ Chuẩn đầu ra: Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT K2; S1, S2, S3, S4; A1, A2, A3, A4.

12.16. Tin học đại cương

- ❖ Môn học trước: Không
- ❖ Tóm tắt nội dung môn học: Học phần Tin học đại cương trang bị cho sinh viên các khối kiến thức như sau: (1) Hệ điều hành Windows và các tiện ích của hệ điều hành; (2) Internet, các phương pháp tìm kiếm thông tin trên internet và quản lý hộp mail với Microsoft Outlook; (3) Soạn thảo văn bản với Microsoft Word; (4) Trình chiếu với Microsoft Powerpoint; (5) Xử lý bảng tính với Microsoft Excel.

Học phần này không nhằm giới thiệu từ đầu các khối kiến thức trên mà củng cố, phát triển nâng cao kỹ năng soạn thảo văn bản, xử lý dữ liệu với bảng tính, soạn bài thuyết trình, quản lý hộp mail thông qua Microsoft Outlook, tìm kiếm tài liệu trên Internet, sử dụng các phần mềm tiện ích và bảo mật ứng dụng vào những hoạt động học tập cũng như làm việc sau này và đáp ứng chuẩn đầu ra MOS Word và MOS Excel cấp độ Specialist thông qua các bài tập thực hành, các tình huống cụ thể.

nền kinh tế: người tiêu dùng, doanh nghiệp và chính phủ. Qua đó sinh viên sẽ được trang bị công cụ phân tích để hiểu và có thể áp dụng khi học các học phần tiếp theo.

- ❖ Chuẩn đầu ra: Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT K3; S1, S2, S3, S4; A1, A2, A3, A4.

12.18. Kinh tế vĩ mô 1

- ❖ Môn học trước: Toán cao cấp, Kinh tế vi mô 1.
- ❖ Tóm tắt nội dung môn học: Học phần giới thiệu một số khái niệm cơ bản của kinh tế vĩ mô, bao gồm: Đo lường tổng sản lượng và mức giá của nền kinh tế; mô tả hành vi của nền kinh tế trong dài hạn; các nhân tố quy định tăng trưởng kinh tế, thất nghiệp và lạm phát trong dài hạn; giới thiệu những tư tưởng chính về tổng cung, tổng cầu và cân bằng kinh tế vĩ mô; lạm phát và thất nghiệp trong ngắn hạn; giới thiệu các vấn đề kinh tế vĩ mô của một nền kinh tế mở bao gồm cán cân thanh toán, tỷ giá hối đoái và các chính sách thương mại.
- ❖ Chuẩn đầu ra: Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT K3; S1, S2, S3, S4; A1, A2, A3, A4.

12.19. Quản trị học

- ❖ Môn học trước: Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1.
- ❖ Tóm tắt nội dung môn học: Học phần Quản trị học xây dựng khung lý thuyết quản trị cho hoạt động chuyên ngành như: nhân lực, marketing, sản xuất, bán hàng,...Môn học hình thành nền tảng kiến thức hoạch định, tổ chức, kiểm tra, đánh giá; thực hành những kiến thức cơ bản về quản trị và vận dụng các chức năng quản trị trong thực tiễn hoạt động của các doanh nghiệp. Môn học này tạo tiền đề, cơ sở cho người học trong việc đề xuất các phương án và cách giải quyết vấn đề của doanh nghiệp.
- ❖ Chuẩn đầu ra: Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT K4; S1, S2, S3, S4; A1, A2, A3, A4.

12.20. Nguyên lý Marketing

- ❖ Môn học trước: Kinh tế vi mô 1
- ❖ Tóm tắt nội dung môn học: Học phần nguyên lý marketing bao gồm 10 chương, trước hết làm rõ các khái niệm cơ bản của marketing như khái niệm marketing, marketing mix, vấn đề đạo đức trong hoạt động marketing. Học phần đi sâu phân tích nội dung các hoạt động marketing (quá trình marketing) như phân tích môi trường marketing, phân tích hành vi khách hàng thông qua hoạt động nghiên cứu thị trường, chọn thị trường mục tiêu, xây dựng chiến lược marketing và các chiến lược bộ phận gồm chiến lược sản phẩm, chiến lược định giá, chiến lược phân phối và chiến

- ❖ Tóm tắt nội dung môn học: Học phần nguyên lý marketing bao gồm 10 chương, trước hết làm rõ các khái niệm cơ bản của marketing như khái niệm marketing, marketing mix, vấn đề đạo đức trong hoạt động marketing. Học phần đi sâu phân tích nội dung các hoạt động marketing (quá trình marketing) như phân tích môi trường marketing, phân tích hành vi khách hàng thông qua hoạt động nghiên cứu thị trường, chọn thị trường mục tiêu, xây dựng chiến lược marketing và các chiến lược bộ phận gồm chiến lược sản phẩm, chiến lược định giá, chiến lược phân phối và chiến lược chiêu thị. Chuẩn đầu ra: Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT K3; S1, S2, S3, S4; A1, A2, A3, A4.

12.21. Nguyên lý kế toán

- ❖ Môn học trước: Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1.
- ❖ Tóm tắt nội dung môn học: Nguyên lý kế toán là môn học thuộc phần kiến thức cơ sở ngành nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về kế toán: khái niệm, định nghĩa, đối tượng, nguyên tắc, chức năng nhiệm vụ, vai trò của kế toán; các phương pháp kế toán; vận dụng các phương pháp kế toán vào quá trình hoạt động kinh doanh căn bản của một đơn vị cụ thể. Các phương pháp kế toán được đề cập đến gồm: Chứng từ kế toán, kiểm kê, tính giá đối tượng kế toán, tài khoản, ghi sổ kép và tổng hợp cân đối kế toán. Những kiến thức nền tảng kế toán của học phần giúp cho người học có thể tiếp tục nghiên cứu sâu hơn về kế toán kiểm toán, đồng thời có thể vận dụng để hỗ trợ các lĩnh vực chuyên môn thuộc khối ngành kinh tế.
- ❖ Chuẩn đầu ra: Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT K4; S1, S2, S3, S4; A1, A2, A3, A4.

12.22. Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính 1

- ❖ Môn học trước: Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1.
- ❖ Tóm tắt nội dung môn học: Học phần Trang bị kiến thức nền liên quan đến tài chính, ngân hàng, thị trường tài chính qua đó sinh viên có cái nhìn tổng quan về thị trường kinh tế vĩ mô, mối quan hệ giữa các chủ thể trong nền kinh tế và sự tác động.
- ❖ Chuẩn đầu ra: Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT K4; S1, S2, S3, S4; A1, A2, A3, A4.

12.23. Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính 2

- ❖ Môn học trước: Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính 1
- ❖ Tóm tắt nội dung môn học: Học phần sẽ trang bị kiến thức nền liên quan đến tài chính – tiền tệ và thị trường tài chính qua đó sinh viên có cái nhìn tổng quát về các vấn đề liên quan đến tình hình kinh tế vĩ mô, mối quan hệ

- ❖ Chuẩn đầu ra: Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT K4; S1, S2, S3, S4; A1, A2, A3, A4.

12.24. Kinh tế lượng

- ❖ Môn học trước: Lý thuyết xác suất thống kê toán, Toán cao cấp, Kinh tế vi mô I, Kinh tế vĩ mô I, Tin học đại cương.
- ❖ Tóm tắt nội dung môn học: Học phần cung cấp các kỹ thuật ước lượng, hiệu chỉnh mô hình hồi quy một phương trình, cách phân tích tính đúng đắn về mặt kỹ thuật cũng như về kinh tế của mô hình. Học phần còn trang bị cho sinh viên cách thức vận dụng các công cụ phân tích định lượng vào một số vấn đề kinh tế, quản trị kinh doanh cơ bản trên cơ sở sử dụng phần mềm chuyên dùng và cơ sở dữ liệu của Việt Nam.
- ❖ Chuẩn đầu ra: Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT K4; S1, S2, S3, S4; A1, A2, A3, A4.

12.25. Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng

- ❖ Môn học trước: Toán cao cấp
- ❖ Tóm tắt nội dung môn học: Học phần giới thiệu tính quy luật của hiện tượng ngẫu nhiên và cách tính xác suất của biến cố ngẫu nhiên cùng các đặc trưng của biến ngẫu nhiên. Phần thống kê toán bao gồm các nội dung: Mẫu ngẫu nhiên, Ước lượng tham số của mẫu, kiểm định giả thuyết thống kê và ứng dụng trong nghiên cứu các vấn đề thực tế nói chung và các vấn đề kinh tế nói riêng. Cung cấp các kiến thức cơ bản về nguyên lý thống kê; Ứng dụng các phương pháp điều tra thống kê bao gồm việc thu thập thông tin ban đầu về các hiện tượng kinh tế xã hội và việc xử lý các thông tin đã thu thập. Trang bị các phương pháp phân tích kinh tế xã hội làm cơ sở cho dự đoán các mức độ của hiện tượng trong tương lai nhằm giúp cho việc ra quyết định ở tầm vi mô và vĩ mô.
- ❖ Chuẩn đầu ra: Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT K2; S1, S2, S3, S4; A1, A2, A3, A4.

12.26. Nguyên lý thẩm định giá

- ❖ Môn học trước: Kinh tế vi mô 1.
- ❖ Tóm tắt nội dung môn học: Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức về khái niệm thẩm định giá, vai trò của thẩm định giá trong nền kinh tế thị trường, mục đích thẩm định giá, các tiêu chuẩn thẩm định giá quốc tế và Việt Nam, giới thiệu về nghề nghiệp thẩm định giá ở Việt Nam. Học phần cũng trang bị cho sinh viên cơ sở giá trị của thẩm định giá tài sản, các nguyên tắc thẩm định giá tài sản, các cách tiếp cận và các phương pháp thẩm định giá tài sản, quy trình thẩm định giá tài sản và hoàn tất một báo cáo thẩm định giá tài sản. Với các kiến thức cơ bản về lý luận và ví dụ

trường, mục đích thẩm định giá, các tiêu chuẩn thẩm định giá quốc tế và Việt Nam, giới thiệu về nghề nghiệp thẩm định giá ở Việt Nam. Học phần cũng trang bị cho sinh viên cơ sở giá trị của thẩm định giá tài sản, các nguyên tắc thẩm định giá tài sản, các cách tiếp cận và các phương pháp thẩm định giá tài sản, quy trình thẩm định giá tài sản và hoàn tất một báo cáo thẩm định giá tài sản. Với các kiến thức cơ bản về lý luận và ví dụ thực tiễn, sinh viên có thể thực hiện thẩm định giá tài sản ở mức độ đơn giản như bất động sản, máy thiết bị,...

- ❖ Chuẩn đầu ra: Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT K5; S1, S2, S3, S4; A1, A2, A3, A4.

12.27. Tài chính công

- ❖ Môn học trước: Kinh tế vi mô 1.
- ❖ Tóm tắt nội dung môn học: Học phần cung cấp những kiến thức đầu tư hiện đại liên quan đến các lý thuyết Tài chính và những chứng cứ thực nghiệm để đưa ra một quyết định đầu tư. Các chủ đề trong môn học này bao gồm: Lý thuyết danh mục; Các mô hình định giá chứng khoán (bao gồm mô hình định giá Tài sản vốn- CAPM và lý thuyết kinh doanh chênh lệch giá- APT); Phân tích kỹ thuật trong dự báo biến động giá chứng khoán; Lý thuyết thị trường hiệu quả; Các lý thuyết hiện đại liên quan đến tiến trình triển khai chiến lược quản lý danh mục vốn đầu tư; Xây dựng tập hợp danh mục đầu tư hiệu quả; Triển khai các chiến lược tạo ra giá trị, các phương pháp đo lường đóng góp giá trị hàng năm của danh mục; Quản lý danh mục thông qua xây dựng lịch trình chiến lược quản lý danh mục vốn.
- ❖ Chuẩn đầu ra: Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT K5; S1, S2, S3, S4; A1, A2, A3, A4.

12.28. Thuế 1

- ❖ Môn học trước: Tài chính doanh nghiệp 1, Nguyên lý kế toán.
- ❖ Tóm tắt nội dung môn học: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức, lý luận nền về thuế nhằm giúp sinh viên hiểu được tại sao lại phải có thuế; quá trình phát triển của hệ thống thuế Việt Nam và đặc biệt là những nội dung cụ thể của các Luật thuế chủ yếu đang được áp dụng hiện nay như thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân... Môn học cũng trang bị cho sinh viên cách đọc và hiểu văn bản thuế.
- ❖ Chuẩn đầu ra: Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT K5; S1, S2, S3, S4; A1, A2, A3, A4.

12.29. Thị trường chứng khoán

- ❖ Môn học trước: Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính 1, 2

- ❖ Chuẩn đầu ra: Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT K5; S1, S2, S3, S4; A1, A2, A3, A4.

12.30. Nguyên lý và thực hành bảo hiểm

- ❖ Môn học trước: Tiền tệ, Ngân hàng và thị trường tài chính 1, 2
- ❖ Tóm tắt nội dung môn học: Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng về bảo hiểm thương mại; sự cần thiết của bảo hiểm đối với kinh tế xã hội; Các nguyên tắc hoạt động cơ bản bảo hiểm; Các quy định pháp luật liên quan đến bảo hiểm; Hoạt động của thị trường bảo hiểm; Các nghiệp vụ bảo hiểm chủ yếu, đặc điểm riêng có của từng nghiệp vụ (tài sản, con người, trách nhiệm); Ngoài ra môn học còn cung cấp kiến thức về cách thức trích lập dự phòng nghiệp vụ và xác định khả năng thanh toán trong doanh nghiệp bảo hiểm.
- ❖ Chuẩn đầu ra: Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT K5; S1, S2, S3, S4; A1, A2, A3, A4.

12.31. Tài chính doanh nghiệp 1

- ❖ Môn học trước: Nguyên lý kế toán, Tiền tệ - Ngân hàng và thị trường tài chính 1.
- ❖ Tóm tắt nội dung môn học: Trang bị cho sinh viên những kiến thức tài chính trong doanh nghiệp về giá trị tiền tệ theo thời gian, định giá chứng khoán, giá sử dụng vốn, giá sử dụng vốn bình quân, điểm hòa vốn, đầu tư dài hạn trong doanh nghiệp và quản trị tài sản của doanh nghiệp
- ❖ Chuẩn đầu ra: Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT K6; S1, S2, S3, S4; A1, A2, A3, A4.

12.32. Ngân hàng thương mại

- ❖ Môn học trước: Tiền tệ, Ngân hàng và thị trường tài chính 1, 2
- ❖ Tóm tắt nội dung môn học: Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản và tương đối toàn diện các nghiệp vụ chủ yếu trong kinh doanh của các ngân hàng thương mại hiện đại như: nghiệp vụ huy động vốn, nghiệp vụ tín dụng, nghiệp vụ tài trợ thương mại, nghiệp vụ thanh toán qua ngân hàng.
- ❖ Chuẩn đầu ra: Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT K6; S1, S2, S3, S4; A1, A2, A3, A4.

12.33. Tài chính quốc tế

- ❖ Môn học trước: Tài chính doanh nghiệp 1
- ❖ Tóm tắt nội dung môn học: Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức nền của ngành Tài chính ngân hàng, cụ thể các kiến thức về thị trường tài chính toàn cầu giúp cho sinh viên có đủ kiến thức và kỹ năng để có thể làm việc trong các công ty đa quốc gia, Vụ quản lý ngoại hối, Ngân hàng

12.33. Tài chính quốc tế

- ❖ Môn học trước: Tài chính doanh nghiệp 1
- ❖ Tóm tắt nội dung môn học: Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức nền của ngành Tài chính ngân hàng, cụ thể các kiến thức về thị trường tài chính toàn cầu giúp cho sinh viên có đủ kiến thức và kỹ năng để có thể làm việc trong các công ty đa quốc gia, Vụ quản lý ngoại hối, Ngân hàng Trung ương, Ngân hàng thương mại, Bộ Tài chính. Nội dung môn học trang bị những kiến thức nền tảng có liên hệ mật thiết, thống nhất và hỗ trợ cho các môn học khác bao gồm Kinh tế vĩ mô, Tài chính doanh nghiệp, Tài chính công ty đa quốc gia, Phân tích tài chính...
- ❖ Chuẩn đầu ra: Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT K6; S1, S2, S3, S4; A1, A2, A3, A4.

12.34. Tài chính doanh nghiệp 2

- ❖ Môn học trước: Tài chính doanh nghiệp 1
- ❖ Tóm tắt nội dung môn học: Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức tài chính trong doanh nghiệp về tác động của đòn bẩy đến lợi nhuận của doanh nghiệp, rủi ro kinh doanh và tài chính, cơ cấu vốn và cơ cấu vốn tối ưu của doanh nghiệp, cổ tức và chính sách cổ tức và việc lập kế hoạch tài chính.
- ❖ Chuẩn đầu ra: Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT K7, K8; S1, S2, S3, S4; A1, A2, A3, A4.

12.35. Quản trị rủi ro tài chính

- ❖ Môn học trước: Tài chính doanh nghiệp 1 và 2
- ❖ Tóm tắt nội dung môn học: Học phần giúp sinh viên nhận biết các dạng rủi ro phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của DN. Song song đó, môn học còn đưa ra các phương pháp nhằm loại bỏ, hạn chế, giảm thiểu, đối phó... với các loại rủi ro. Mục đích cuối cùng của môn học là giúp sinh viên đưa ra các cách quản trị rủi ro nhằm hướng DN hoạt động hiệu quả hơn, bền vững hơn và đạt được mục tiêu về lợi nhuận đã đề ra hoặc tăng giá trị DN.
- ❖ Chuẩn đầu ra: Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT K7, K8; S1, S2, S3, S4; A1, A2, A3, A4.

12.36. Phân tích Tài chính doanh nghiệp

- ❖ Môn học trước: Tài chính doanh nghiệp 1 và 2
- ❖ Tóm tắt nội dung môn học: Học phần trang bị cho sinh viên những phương pháp phân tích, cung cấp những nội dung cần phân tích, cũng như dự báo tài chính doanh nghiệp làm cơ sở ra các quyết định phù hợp nhằm đạt được mục tiêu của người phân tích.

- ❖ Tóm tắt nội dung môn học: Học phần này cung cấp những kiến thức ứng dụng phần mềm bảng tính EXCEL phục vụ công việc quản lý tài chính. Người học biết sử dụng EXCEL giải các bài toán tài chính, xây dựng các mô hình phục vụ cho công tác quản trị tài chính như điểm hòa vốn, quản lý rủi ro tài chính, xây dựng danh mục đầu tư tối ưu, xây dựng và thẩm định dự án đầu tư, quản trị tài sản, xây dựng mô hình vay và trả nợ vay, các mô hình định giá chứng khoán ...
- ❖ Chuẩn đầu ra: Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT K7, K8; S1, S2, S3, S4; A1, A2, A3, A4.

12.38. Thực hành nghề nghiệp

- ❖ Môn học trước: Tài chính doanh nghiệp 1, 2 và Phân tích tài chính doanh nghiệp.
- ❖ Tóm tắt nội dung môn học: Đây là học phần thực hành, có nội dung chuyên môn tổng hợp. Quá trình thực tập nghề nghiệp được thực hiện tại các doanh nghiệp thực tế thông qua hoạt động quan sát, tìm hiểu và tác nghiệp vào một số nghiệp vụ tài chính của doanh nghiệp.
- ❖ Chuẩn đầu ra: Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT K7, K8; S1, S2, S3, S4; A1, A2, A3, A4.

12.39. Mô phỏng đầu tư tài chính

- ❖ Môn học trước: Đầu tư tài chính, Tài chính doanh nghiệp 1 và 2
- ❖ Tóm tắt nội dung môn học: Học phần trang bị cho sinh viên cách thức và quy trình thực hiện các nghiệp vụ đầu tư tài chính trong thực tế bao gồm Đầu tư mua/bán cổ phiếu, trái phiếu, chứng khoán phái sinh, chứng chỉ quỹ... trong ngắn hạn và dài hạn. Giúp sinh viên có các kỹ năng cần thiết trong đầu tư tài chính, có thể tiếp cận được với công việc tại các tổ chức đầu tư tài chính hiện nay.
- ❖ Chuẩn đầu ra: Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT K7, K8; S1, S2, S3, S4; A1, A2, A3, A4.

12.40. Quản trị tài chính công ty đa quốc gia

- ❖ Môn học trước: Tài chính doanh nghiệp 2, Tài chính quốc tế
- ❖ Tóm tắt nội dung môn học: Học phần trang bị kiến thức về quản trị tài chính công ty đa quốc gia (MFM) – một trong những nghiệp vụ quản trị quan trọng của doanh nghiệp trong thời đại hội nhập toàn cầu. Môn học giải quyết ba quyết định của TCDN nhưng ở phạm vi của công ty đa quốc gia (MNC), trong đó tập trung giải quyết vấn đề rủi ro tỷ giá tác động đến ba quyết định của tài chính.
- ❖ Chuẩn đầu ra: Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT K7, K8; S1, S2, S3, S4; A1, A2, A3, A4.

gia (MNC), trong đó tập trung giải quyết vấn đề rủi ro tỷ giá tác động đến ba quyết định của tài chính.

- ❖ Chuẩn đầu ra: Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT K7, K8; S1, S2, S3, S4; A1, A2, A3, A4.

12.41. Tài chính hành vi

- ❖ Môn học trước: Tài chính doanh nghiệp 1,2.
- ❖ Tóm tắt nội dung môn học: Học phần trang bị các kiến thức lý thuyết và thực tiễn liên quan đến tài chính hành vi để giúp sinh viên có thể ứng dụng tâm lý học vào việc giải thích các hành vi tài chính của nhà đầu tư và phân tích các lệch lạc trong quyết định của nhà đầu tư, phân tích tài chính hành vi trong quản trị doanh nghiệp. Thêm vào đó, học phần cũng giới thiệu tổng quan về tài chính chuẩn tắc, phân tích các hiệu ứng tâm lý học, lý thuyết hữu dụng kỳ vọng, lý thuyết triển vọng và thị trường hiệu quả giúp sinh viên hiểu được các lý thuyết nền tảng của tài chính hành vi.
- ❖ Chuẩn đầu ra: Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT K7, K8; S1, S2, S3, S4; A1, A2, A3, A4.

12.42. Hợp nhất, mua bán doanh nghiệp

- ❖ Môn học trước: Quản trị học, Tài chính doanh nghiệp 1.
- ❖ Tóm tắt nội dung môn học: Giúp sinh viên hiểu rõ quá trình M&A, những giai đoạn quan trọng của quá trình này, cũng như nắm vững kỹ thuật định giá, các chiến thuật mua lại và chống mua lại sẽ làm gia tăng xác suất thành công của một giao dịch M&A.
- ❖ Chuẩn đầu ra: Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT K7, K8; S1, S2, S3, S4; A1, A2, A3, A4.

12.43. Thị trường chứng khoán phái sinh

- ❖ Môn học trước: Thị trường chứng khoán, Tài chính doanh nghiệp 1.
- ❖ Tóm tắt nội dung môn học: Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về tổng quan thị trường phái sinh, và đi sâu vào tìm hiểu đặc điểm, hoạt động giao dịch trên sàn, định giá các hợp đồng phái sinh, vận dụng việc giao dịch, định giá vào kinh doanh, quản trị rủi ro.
- ❖ Chuẩn đầu ra: Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT K7, K8; S1, S2, S3, S4; A1, A2, A3, A4.

12.44. Quản lý danh mục đầu tư

- ❖ Môn học trước: Tài chính doanh nghiệp 1, Thị trường chứng khoán.
- ❖ Tóm tắt nội dung môn học: Sinh viên biết được những kiến thức về lựa chọn chứng khoán và đầu tư trên thị trường chứng khoán, phân bổ tài sản và lập danh mục đầu tư chứng khoán theo tiêu chí đặt ra, đồng thời giám

12.45. Đầu tư tài chính

- ❖ Môn học trước: Thị trường chứng khoán.
- ❖ Tóm tắt nội dung môn học: Học phần kiến thức và kỹ năng cần thiết để ra được các quyết định đầu tư trái phiếu, cổ phiếu; thiết lập và quản lý một danh mục đầu tư tài chính.
- ❖ Chuẩn đầu ra: Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT K7, K8; S1, S2, S3, S4; A1, A2, A3, A4.

12.46. Hoạch định ngân sách vốn đầu tư

- ❖ Môn học trước: Toán tài chính, Tài chính doanh nghiệp 1.
- ❖ Tóm tắt nội dung môn học: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về hoạch định ngân sách vốn, xây dựng dòng tiền của dự án, thẩm định dự án dựa trên các chỉ tiêu đánh giá dự án, tính chi phí sử dụng vốn trong điều kiện không thay đổi cơ cấu tài chính của doanh nghiệp và khi có đầu tư mới cơ cấu các nguồn vốn có thể thay đổi, hoạch định ngân sách vốn đầu tư trong điều kiện vốn đầu tư bị giới hạn và không bị giới hạn, phân tích rủi ro dự án.
- ❖ Chuẩn đầu ra: Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT K7, K8; S1, S2, S3, S4; A1, A2, A3, A4.

12.47. Thẩm định dự án đầu tư

- ❖ Môn học trước: Toán tài chính, Tài chính doanh nghiệp 1.
- ❖ Tóm tắt nội dung môn học: Sinh viên nắm được khung cơ bản của dự án, các cách phân loại trong dự án, các bước trong quy trình thiết lập và thẩm định dự án, vai trò và sự cần thiết của việc thẩm định dự án. Sinh viên nắm bắt được khung tài chính dự án, các nội dung tác động đến dòng tiền. Sinh viên có thể xây dựng chi phí và thiết lập dòng tiền của dự án. Nắm bắt các quan điểm trong thẩm định dòng tiền dự án. Sinh viên nắm rõ và vận dụng được các chỉ tiêu trong thẩm định dự án. Nắm vững đặc điểm của từng chỉ tiêu, trường hợp vận dụng và các vấn đề trong sử dụng chỉ tiêu. Sinh viên nắm bắt được tác động của lạm phát lên dự án và cách thức đánh giá một dự án khi có tác động của lạm phát. Sinh viên vận dụng được các phương pháp sử dụng trong đánh giá và phân tích rủi ro của dự án.
- ❖ Chuẩn đầu ra: Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT K7, K8; S1, S2, S3, S4; A1, A2, A3, A4.

12.48. Kế toán tài chính

- ❖ Môn học trước: Nguyên lý kế toán
- ❖ Tóm tắt nội dung môn học: Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về công tác kế toán ở các doanh nghiệp sản xuất, thương mại và dịch vụ. Sau khi học xong phần này, Sinh viên sẽ nắm được nội dung,

- ❖ Môn học trước: Nguyên lý kế toán
- ❖ Tóm tắt nội dung môn học: Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về công tác kế toán ở các doanh nghiệp sản xuất, thương mại và dịch vụ. Sau khi học xong phần này, Sinh viên sẽ nắm được nội dung, qui trình công tác kế toán ở các doanh nghiệp sản xuất, từ đó dễ dàng đọc, hiểu hệ thống các báo cáo Tài chính của doanh nghiệp theo quy định hiện hành.
- ❖ Chuẩn đầu ra: Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT K6; S1, S2, S3, S4; A1, A2, A3, A4.

12.49. Toán tài chính

- ❖ Môn học trước: Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính 1.
- ❖ Tóm tắt nội dung môn học: Học phần trang bị các kiến thức về toán ứng dụng trong lãnh vực tài chính – ngân hàng, từ đó sinh viên có khả năng định lượng các chỉ tiêu tài chính làm cơ sở để đưa ra các quyết định trong công tác tài chính ở doanh nghiệp và ngân hàng.
- ❖ Chuẩn đầu ra: Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT K6; S1, S2, S3, S4; A1, A2, A3, A4.

12.50. Khóa luận tốt nghiệp

- ❖ Tóm tắt nội dung môn học: Giúp sinh viên củng cố những kiến thức lý thuyết mà sinh viên đã được trang bị tại nhà trường, bổ sung thêm những kiến thức mới đang được sử dụng trong thực tế. Rèn luyện khả năng tự nghiên cứu, và thích ứng được với công việc thực tế sau khi tốt nghiệp.
- ❖ Chuẩn đầu ra: Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT K7, K8; S1, S2, S3, S4; A1, A2, A3, A4.

12.51. Thực tập cuối khóa

- ❖ Tóm tắt nội dung môn học: Tạo điều kiện cho sinh viên tiếp cận tình hình hoạt động thực tế tại một tổ chức, từ đó quan sát, đối chiếu so sánh, học hỏi và áp dụng lý thuyết đã học vào thực tế. Sinh viên biết vận dụng các kiến thức lý luận vào thực tiễn thông qua việc nghiên cứu giải quyết các vấn đề cụ thể về nghiệp vụ.

Rèn luyện khả năng tự nghiên cứu, và thích ứng ngay được với công việc thực tế sau khi tốt nghiệp.

- ❖ Chuẩn đầu ra: Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT K7, K8; S1, S2, S3, S4; A1, A2, A3, A4.

12.52. Chiến lược tài chính công ty

- ❖ Môn học trước: Tài chính doanh nghiệp 1 và 2, Tài chính quốc tế, Quản trị rủi ro tài chính.

của việc hoạch định chiến lược tài chính và nội dung hoạch định chiến lược tài chính ứng với từng giai đoạn trong chu kỳ sống với mục tiêu tối đa hóa giá trị công ty.

- ❖ Chuẩn đầu ra: Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT K7, K8; S1, S2, S3, S4; A1, A2, A3, A4.

12.53. Kỹ năng mềm

- ❖ Tóm tắt nội dung môn học: Cung cấp sinh viên những kỹ năng quan trọng trong cuộc sống con người như: kỹ năng sống, giao tiếp, lãnh đạo, làm việc nhóm, quản lý thời gian, thư giãn, vượt qua khủng hoảng, sáng tạo, đổi mới, ... giúp con người tư duy và tương tác với nhau phục vụ cho công việc; nhưng không phải là kỹ năng chuyên môn/kỹ thuật. Đó là khả năng ứng xử, nhạy bén với công việc và giải quyết khó khăn một cách nhanh nhất có thể, hạn chế tối đa những rủi ro công việc, giúp sinh viên phát huy hết những kiến thức chuyên môn và nghiệp vụ đã được đào tạo.
- ❖ Chuẩn đầu ra: Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT S1, S2, S3, S4; A1, A2, A3, A4.

13. MA TRẬN CHUẨN ĐẦU RA CÁC MÔN HỌC TRONG CHƯƠNG TRÌNH

MA TRẬN CHUẨN ĐẦU RA CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP - CLC

T T	Môn học	Kiến thức								Kỹ năng					Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
		K 1	K 2	K 3	K 4	K 5	K 6	K 7	K 8	S 1	S 2	S 3	S 4	S 5	A 1	A 2	A 3	A 4
1	Lý luận chính trị																	
	Triết học Mác – Lênin	x													x	x	x	x
	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	x													x	x	x	x
	Chủ nghĩa xã hội khoa học	x													x	x	x	x
	Lịch sử đảng cộng sản Việt Nam	x													x	x	x	x

	Chủ nghĩa xã hội khoa học	x												x	x	x	x
	Lịch sử đảng cộng sản Việt Nam	x												x	x	x	x
	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x												x	x	x	x
2	Khoa học xã hội																
	Pháp luật đại cương	x												x	x	x	x
3	Ngoại ngữ																
	Anh văn căn bản 1	x												x	x	x	x
	Anh văn căn bản 2	x												x	x	x	x
	Anh văn căn bản 3	x												x	x	x	x
	Anh văn căn bản 4	x												x	x	x	x
	Anh văn căn bản 5	x												x	x	x	x
	Anh văn căn bản 6	x												x	x	x	x
4	Toán – Tin học – Khoa học tự nhiên																
	Toán cao cấp		x					x	x	x	x			x	x	x	x
	Tin học đại cương		x											x	x	x	x
5	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp:																
a	<u>Kiến thức cơ sở:</u>																
	Kinh tế vi mô 1			x				x	x	x	x			x	x	x	x
	Kinh tế vĩ mô 1			x				x	x	x	x			x	x	x	x
	Nguyên lý kế toán				x			x	x	x	x			x	x	x	x
	Nguyên lý Marketing				x			x	x	x	x			x	x	x	x
	Quản trị học				x			x	x	x	x			x	x	x	x
	Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài				x			x	x	x	x			x	x	x	x

b	<u>Kiến thức ngành:</u>																			
	Nguyên lý thẩm định giá					x					x	x	x	x			x	x	x	x
	Tài chính công					x					x	x	x	x			x	x	x	x
	Thuế 1					x					x	x	x	x			x	x	x	x
	Thị trường chứng khoán					x					x	x	x	x			x	x	x	x
	Nguyên lý và thực hành bảo hiểm					x					x	x	x	x			x	x	x	x
	Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 2					x					x	x	x	x			x	x	x	x
	Tài chính doanh nghiệp 1						x				x	x	x	x			x	x	x	x
	Ngân hàng thương mại						x				x	x	x	x			x	x	x	x
	Tài chính quốc tế						x				x	x	x	x			x	x	x	x
	Kinh tế lượng		x								x	x	x	x			x	x	x	x
c	<u>Kiến thức chuyên ngành:</u>																			
	Học phần bắt buộc:																			
	Tài chính doanh nghiệp 2										x	x	x	x	x		x	x	x	x
	Quản trị rủi ro tài chính										x	x	x	x	x		x	x	x	x
	Phân tích tài chính doanh nghiệp										x	x	x	x	x		x	x	x	x
	Mô hình tài chính										x	x	x	x	x		x	x	x	x
	Thực hành nghề nghiệp										x	x	x	x	x		x	x	x	x
	Mô phỏng đầu tư tài chính										x	x	x	x	x		x	x	x	x

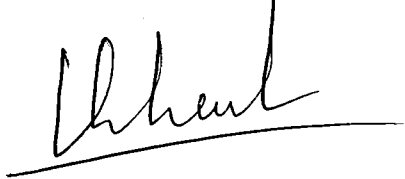
	Thực hành nghề nghiệp									x	x	x	x	x	x			x	x	x	x
	Mô phỏng đầu tư tài chính									x	x	x	x	x	x			x	x	x	x
	Quản trị tài chính công ty đa quốc gia									x	x	x	x	x	x			x	x	x	x
	<u>Học phần tự chọn</u>																				
	Tài chính hành vi <i>Hoặc</i> Hợp nhất, mua bán doanh nghiệp									x	x	x	x	x	x			x	x	x	x
	Thị trường chứng khoán phái sinh <i>Hoặc</i> Quản lý danh mục đầu tư <i>Hoặc</i> Đầu tư tài chính									x	x	x	x	x	x			x	x	x	x
<u>d</u>	<u>Kiến thức bổ trợ ngành</u>																				
	Hoạch định ngân sách vốn đầu tư <i>Hoặc</i> Thẩm định dự án đầu tư									x	x	x	x		x			x	x	x	x
	Kế toán tài chính <i>Hoặc</i> Toán tài chính									x			x	x	x			x	x	x	x
6	Kỹ năng mềm											x	x	x	x			x	x	x	x
7	Tốt nghiệp																				
	Thực tập cuối khóa									x	x	x	x	x	x			x	x	x	x
	Khóa luận tốt nghiệp <i>Hoặc</i>									x	x	x	x	x	x			x	x	x	x

**14. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN PHỤC VỤ GIẢNG DẠY CÁC HỌC PHẦN
TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (xem Phụ lục 1)**

15. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ ĐÀO TẠO (xem Phụ lục 2)

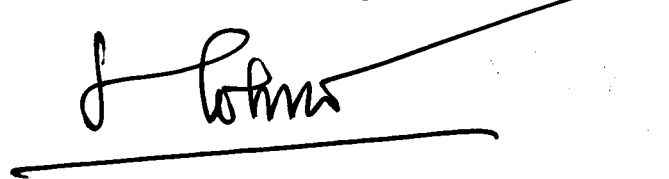
TP.HCM, ngày 08 tháng 10.. năm 2019

TRƯỞNG KHOA



PGS.TS. Hồ Chử Tiên

HIỆU TRƯỞNG



PHỤ LỤC 1

**ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN PHỤC VỤ GIẢNG DẠY CÁC HỌC PHẦN TRONG
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

STT	HỌ VÀ TÊN, NĂM SINH	HỌC VI, NĂM CÔNG NHẬN	NGÀNH/ CHUYÊN NGÀNH	MÔN HỌC GIẢNG DẠY	GHI CHÚ
1	Phạm Lê Quang, 1960	Tiến sĩ, 2010	Triết học	Triết, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế chính trị, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	
2	Lại Văn Nam, 1973	Thạc sĩ, 2006	Triết học	Triết, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế chính trị	
3	Nguyễn Minh Hiền, 1972	Thạc sĩ, 2004	Triết học	Triết, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế chính trị, Chính trị	
4	Kinh Thị Tuyết, 1974	Thạc sĩ, 2004	Luật	Pháp Luật Đại cương, Soạn thảo Văn Bản, Luật Kinh tế	
5	Trần Văn Bình, 1972	Thạc sĩ, 2005	Luật	Pháp Luật Đại cương, Soạn thảo Văn Bản, Luật Kinh tế	
6	Đặng Chung Kiên, 1979	Thạc sĩ, 2006	Triết học	Triết, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế chính trị	
7	Lê Văn Dũng, 1981	Thạc sĩ, 2011	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	
8	Bùi Minh Nghĩa, 1982	Thạc sĩ, 2014	Triết học	Triết, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế chính trị	
9	Đàm Thị Hằng, 1982	Thạc sĩ, 2010	Kinh tế Chính trị	Triết, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế chính trị	
10	Mạch Ngọc Thùy, 1977	Thạc sĩ, 2004	Triết học	Triết, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế chính trị, Chính trị	
11	Ngô Quang Thịnh	Thạc sĩ, 2009	Kinh tế Chính trị	Triết, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế chính trị, Chính trị	
12	Đặng Hữu Sưu, 1962	Thạc sĩ, 2003	Triết học	Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam, Chính trị	
13	Đỗ Thị Thanh Huyền, 1985	Thạc sĩ, 2010	Triết học	Triết, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế chính trị, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Chính trị	
14	Hoàng Thị Mỹ Nhân, 1986	Thạc sĩ, 2013	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam, Chính trị	
15	Lê Thị Hoài Nghĩa, 1985	Thạc sĩ,	Triết học	Triết, Chủ nghĩa xã hội khoa	

		2013		học, Kinh tế chính trị, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Chính trị
16	Nguyễn Huy Hoàng, 1964	Tiến sĩ, 2010	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng...
17	Nguyễn Văn Phong, 1980	Thạc sĩ, 2006	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng ...
18	Trần Kim Thanh, 1957	Tiến sĩ, 2000	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng ...
19	Trần Lộc Hùng, 1954	Phó Giáo sư TS	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng ...
20	Nguyễn Tuấn Duy, 1984	Tiến sĩ, 2018	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng ...
21	Ngô Thái Hưng, 1983	Thạc sĩ, 2010	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng...
22	Võ Thị Bích Khuê, 1982	Tiến sĩ, 2018	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng,...
23	Nguyễn Đức Bằng, 1981	Thạc sĩ, 2006	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng ...
24	Nguyễn Trung Đông, 1980	Thạc sĩ, 2008	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng ...
25	Phạm Thị Thu Hiền, 1979	Thạc sĩ, 2007	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng,...
26	Nguyễn Vũ Dzũng, 1978	Thạc sĩ, 2005	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng ...
27	Dương Thị Phương Liên, 1975	Thạc sĩ, 2002	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng ...
28	Trần Mạnh Tường, 1974	Thạc sĩ, 2010	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế

				lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng ...	
29	Lê Trường Giang, 1989	Thạc sĩ, 2013	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng,...	
30	Vũ Anh Linh Duy, 1979	Thạc sĩ, 2010	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng ...	
31	Nguyễn Quyết,	Tiến sĩ, 2018	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng ...	
32	Nguyễn Bá Thanh, 1976	Thạc sĩ, 2005	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng ...	
33	Phạm Việt Huy, 1979	Thạc sĩ, 2005	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng ...	
34	Phan Trí Kiên, 1981	Thạc sĩ, 2012	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng ...	
35	Lê Thị Ngọc Hạnh, 1986	Thạc sĩ, 2013	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng ...	
36	Nguyễn Thị Hồng Vân, 1985	Thạc sĩ, 2014	Cử Nhân Toán, Ths. QTKD	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng ...	
37	Lê Thị Bích Thảo, 1989	Thạc sĩ, 2015	Kinh tế	Kinh tế vi mô, Kinh tế Vĩ mô,...	
38	Tô Thị Đông Hà, 1974	Thạc sĩ, 2003	Luật	Pháp Luật Đại Cương, Luật Kinh tế,....	
39	Phạm Thị Nguyệt Sương, 1981	Thạc sĩ, 2008	Luật	Pháp Luật Đại Cương, Luật Kinh tế,....	
40	Nguyễn Thị Thái Thuận, 1978	Thạc sĩ, 2006	Luật	Pháp Luật Đại Cương, Luật Kinh tế,....	
42	Thái Thị Tường Vi, 1981	Thạc sĩ, 2011	Luật	Pháp Luật Đại Cương, Luật Kinh tế,....	
43	Hồ Thị Thanh Trúc, 1989	Thạc sĩ, 1989	Luật	Pháp Luật Đại Cương, Luật Kinh tế,....	
44	Ngô Thị Duyên, 1988	Thạc sĩ, 2015	Luật	Pháp Luật Đại Cương, Luật Kinh tế,....	
45	Đoàn Ngọc Phúc, 1975	Tiến sĩ, 2017	Kinh tế	Kinh tế vi mô, Kinh tế Vĩ mô,...	
46	Phan Ngọc Yên Xuân, 1989	Thạc sĩ,	Kinh tế	Kinh tế vi mô, Kinh tế Vĩ	

		2015		mô,...	
47	Hoàng Thị Xuân, 1987	Thạc sĩ, 2014	Kinh tế	Kinh tế vi mô, Kinh tế Vĩ mô,...	
48	Nguyễn Thị Hảo, 1983	Thạc sĩ, 2010	Kinh tế	Kinh tế vi mô, Kinh tế Vĩ mô,...	
49	Nguyễn Thị Quý, 1983	Thạc sĩ, 2012	Kinh tế	Kinh tế vi mô, Kinh tế Vĩ mô,...	
50	Ngô Thị Hồng Giang, 1983	Thạc sĩ, 2010	Kinh tế	Kinh tế vi mô, Kinh tế Vĩ mô,...	
51	Lại Thị Tuyết Lan, 1980	Thạc sĩ, 2009	Kinh tế	Kinh tế vi mô, Kinh tế Vĩ mô,...	
52	Phạm Thị Vân Anh, 1977	Thạc sĩ, 2012	Kinh tế	Kinh tế vi mô, Kinh tế Vĩ mô,...	
53	Trần Hạ Long, 1978	Thạc sĩ, 2012	Triết học	Triết, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế chính trị, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	
54	Vũ Văn Quế, 1972	Thạc sĩ, 2011	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	
55	Nguyễn Thái Hà, 1986	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Nguyên lý Marketing	
56	Nguyễn Nam Phong, 1985	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Nguyên lý Marketing	
57	Nguyễn Anh Tuấn, 1975	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Nguyên lý Marketing	
58	Ngô Thị Thu, 1962	Tiến sĩ	Kinh tế	Nguyên lý Marketing	
59	Ngô Vũ Quỳnh Thi, 1976	Thạc sĩ	Kinh doanh và QL	Nguyên lý Marketing	
60	Nguyễn Ngọc Bích Trâm, 1988	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Nguyên lý Marketing	
61	Trần Nhật Minh, 1975	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Nguyên lý Marketing	
62	Ninh Đức Cúc Nhật, 1987	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Nguyên lý Marketing	
63	Nguyễn Thị Minh Ngọc, 1988	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Nguyên lý Marketing	
64	Ngô Minh Trang, 1974	Thạc sĩ	Quản trị chuyên nghiệp	Nguyên lý Marketing	
65	Nguyễn Đông Triều, 1983	Thạc sĩ	Kinh doanh và quản lý	Nguyên lý Marketing	
66	Trịnh Thị Hồng Minh, 1988	Thạc sĩ	Kinh doanh thương mại	Nguyên lý Marketing	
67	Huỳnh Trị An, 1983	Thạc sĩ	Marketing	Nguyên lý Marketing	
68	Nguyễn Ngọc Hạnh, 1979	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Nguyên lý Marketing	
69	Nguyễn Thị Thoa, 1986	Thạc sĩ	Kinh tế	Nguyên lý Marketing	

70	Nguyễn Thị Thúy, 1989	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Nguyên lý Marketing	
71	Lâm Ngọc Thùy, 1985	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Nguyên lý Marketing	
72	Nguyễn Thị Hồng Nguyệt, 1982	Tiến sĩ	Kinh doanh và quản lý	Nguyên lý Marketing	
73	Đặng Huỳnh Phương, 1989	Thạc sĩ	Marketing	Nguyên lý Marketing	
74	Trần Hằng Diệu, 1989	Thạc sĩ	Kế toán	Nguyên lý kế toán	
75	Nguyễn Thị Nga Dung, 1986	Thạc sĩ	Kế toán	Nguyên lý kế toán	
76	Thái Trần Văn Hạnh, 1977	Thạc sĩ	Kế toán	Nguyên lý kế toán	
77	Nguyễn Minh Hằng, 1988	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Nguyên lý kế toán	
78	Lê Quang Mẫn	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Nguyên lý kế toán	
79	Vương Thị Thanh Nhân, 1985	Thạc sĩ	Kế toán	Nguyên lý kế toán	
80	Phạm Thị Kim Thanh, 1984	Thạc sĩ	Kinh tế	Nguyên lý kế toán	
81	Nguyễn Hà Minh Thi, 1985	Thạc sĩ	Kinh tế	Nguyên lý kế toán	
82	Ngô Thị Mỹ Thúy, 1973	Thạc sĩ	Kinh tế	Nguyên lý kế toán	
83	Chu Thị Thương, 1984	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Nguyên lý kế toán	
84	Lê Văn Tuấn, 1977	Thạc sĩ	Kinh tế	Nguyên lý kế toán	
85	Dương Hoàng Ngọc Khuê, 1980	Tiến sĩ	Kinh tế	Nguyên lý kế toán	
86	Ngô Nhật Phương Diễm, 1978	Thạc sĩ	Kinh tế	Nguyên lý kế toán	
87	Nguyễn Thị Kiều Oanh, 1991	Thạc sĩ	Kế toán	Nguyên lý kế toán	
88	Nguyễn Thị Ngọc Oanh, 1991	Thạc sĩ	Kế toán	Nguyên lý kế toán	
89	Ung Hiền Nhã Thi, 1988	Thạc sĩ	Tài chính – Ngân hàng	Nguyên lý kế toán	
90	Trần Văn Trung, 1977	Thạc sĩ	Tài chính – Ngân hàng	Tiền tệ, ngân hàng và Thị trường tài chính 1,2	
91	Phạm Thị Thanh Xuân, 1981	Tiến sĩ	Tài chính – Ngân hàng	Tiền tệ, ngân hàng và Thị trường tài chính 1,2	
92	Vũ Thanh Tùng, 1984	Thạc sĩ	Kinh tế	Tiền tệ, ngân hàng và Thị trường tài chính 1,2	
93	Chu Thị Thanh Trang, 1986	Thạc sĩ	Tài chính – Ngân hàng	Tiền tệ, ngân hàng và Thị trường tài chính 1,2	
94	Nguyễn Xuân Dũng, 1990	Thạc sĩ	Tài chính – Ngân hàng	Tiền tệ, ngân hàng và Thị trường tài chính 1,2	
95	Lê Thị Ngọc Phượng, 1984	Thạc sĩ		Tiền tệ, ngân hàng và Thị trường tài chính 1,2	
96	Trần Thị Thanh Nga, 1987	Thạc sĩ	Tài chính – Ngân hàng	Tiền tệ, ngân hàng và Thị trường tài chính 1,2	
97	Nguyễn Thị Bảo Ngọc, 1988	Thạc sĩ	Kinh tế	Tiền tệ, ngân hàng và Thị trường tài chính 1,2	
98	Trương Xuân Hương, 1985	Thạc sĩ	Khoa học máy tính	Tin học đại cương	
99	Nguyễn Thị Trần Lộc, 1984	Thạc sĩ	Kỹ thuật	Tin học đại cương	
100	Tôn Thất Hòa An, 1962	Tiến sĩ	Kỹ sư	Tin học đại cương	
101	Lâm Hoàng Trúc Mai, 1987	Thạc sĩ	Kỹ thuật	Tin học đại cương	

102	Phạm Thủy Tú, 1985	Thạc sĩ	Hệ thống thông tin	Tin học đại cương	
103	Trương Đình Hải Thụy, 1974	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Tin học đại cương	
104	Nguyễn Thanh Trường, 1971	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin	Tin học đại cương	
105	Trần Thanh San, 1970	Thạc sĩ	Khoa học máy tính	Tin học đại cương	
106	Trần Trọng Hiếu, 1966	Thạc sĩ	Khoa học máy tính	Tin học đại cương	
107	Trần Anh Sơn, 1971	Thạc sĩ	Tài chính Bảo hiểm	Tin học đại cương	
108	Võ Xuân Thế, 1970	Thạc sĩ	Tin học	Tin học đại cương	
109	Nguyễn Huy Khang, 1974	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin	Tin học đại cương	
110	Nguyễn Quốc Thanh, 1978	Thạc sĩ	Truyền dữ liệu và mạng máy tính	Tin học đại cương	
111	Huỳnh Ngọc Thành Trung, 1976	Thạc sĩ	Khoa học máy tính	Tin học đại cương	
112	Nguyễn Thanh Bình, 1983	Thạc sĩ	Đảm bảo toán học cho máy tính và hệ thống tính toán	Tin học đại cương	
113	Lê Thị Kim Thoa, 1979	Thạc sĩ	Kế toán	Tin học đại cương	
114	Đình Nguyễn Thúy Nguyệt, 1988	Thạc sĩ	Kỹ thuật	Tin học đại cương	
115	Nguyễn Ngọc Trân Châu, 1974	Tiến sĩ	Tiếng Anh	Anh văn 1, 2, 3, 4, 5,6 Anh văn căn bản 1, 2, 3, 4	
116	Nguyễn Thị Châu Ngân, 1979	Tiến sĩ	Tiếng Anh	Anh văn 1, 2, 3, 4, 5,6	
117	Nguyễn Thị Tuyết Anh, 1980	Thạc sĩ NCS	Tiếng Anh	Anh văn căn bản 1, 2, 3, 4	
118	Phạm Thị Thùy Trang, 1975	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Anh văn 1, 2, 3, 4, 5,6	
119	Nguyễn Thị Bội Ngọc, 1971	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh Quản lý Giáo dục	Anh văn căn bản 1, 2, 3, 4	
120	Nguyễn Thị Công Dung, 1972	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Anh văn 1, 2, 3, 4, 5,6	
121	Nguyễn Thị Kim Ba, 1980	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Anh văn căn bản 1, 2, 3, 4	
122	Chu Quang Phê, 1980	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Anh văn 1, 2, 3, 4, 5,6	
123	Nguyễn Thị Thúy An, 1987	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Anh văn căn bản 1, 2, 3, 4	
124	Bùi Thị Nhi, 1977	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Anh văn 1, 2, 3, 4, 5,6	
125	Lê Xuân Quỳnh Anh, 1982	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Anh văn căn bản 1, 2, 3, 4	
126	Võ Thị Anh Đào, 1979	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Anh văn 1, 2, 3, 4, 5,6	
127	Mai Văn Thông, 1963	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Anh văn căn bản 1, 2, 3, 4	
128	Lê Thị Thanh Trúc, 1976	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Anh văn 1, 2, 3, 4, 5,6	

129	Nguyễn Ngọc Tuyên, 1965	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Anh văn căn bản 1, 2, 3, 4	
130	Nguyễn Thị Tuyết Mai, 1990	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Anh văn 1, 2, 3, 4, 5,6	
131	Đặng Nguyễn Phương Thảo, 1987	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Anh văn căn bản 1, 2, 3, 4	
132	Huỳnh Nguyên Thư, 1988	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Anh văn 1, 2, 3, 4, 5,6	
133	Võ Thị Ánh Nguyệt, 1976	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Anh văn căn bản 1, 2, 3, 4	
134	Nguyễn Thị Xuân Chi, 1983	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Anh văn 1, 2, 3, 4, 5,6	
135	Nguyễn Thị Diễm, 1983	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Anh văn căn bản 1, 2, 3, 4	
136	Võ Thị Kim Cúc, 1989	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Anh văn 1, 2, 3, 4, 5,6	
137	Đỗ Khoa, 1989	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Anh văn căn bản 1, 2, 3, 4	
138	Dương Thị Thu Hiền, 1984	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Anh văn 1, 2, 3, 4, 5,6	
139	Đoàn Quang Định, 1977	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Anh văn căn bản 1, 2, 3, 4	
140	Nguyễn Thị Hằng, 1985	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Anh văn 1, 2, 3, 4, 5,6	
141	Phan Thị Hiền, 1980	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Anh văn căn bản 1, 2, 3, 4	
142	Trần Thúy Quỳnh My, 1988	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Anh văn 1, 2, 3, 4, 5,6	
143	Nguyễn Văn Hân, 1987	Thạc sĩ NCS	Tiếng Anh	Anh văn căn bản 1, 2, 3, 4	
144	Nguyễn Thị Thanh Huyền, 1990	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Anh văn 1, 2, 3, 4, 5,6	
145	Phạm Thị Ngọc Lan, 1987	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Anh văn căn bản 1, 2, 3, 4	
146	Trần Thế Khoa, 1993	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Anh văn 1, 2, 3, 4, 5,6	
147	Phan Văn Quang, 1990	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Anh văn căn bản 1, 2, 3, 4	
148	Nguyễn Thị Nguyễn, 1990	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Anh văn 1, 2, 3, 4, 5,6	
149	Nguyễn Thanh Lâm, 1972	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị học	
150	Nguyễn Phi Hoàng, 1974	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị học	
151	Nguyễn Thị Hải Bình, 1978	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị học	
152	Nguyễn Kiều Oanh, 1977	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị học	
153	Lượng Văn Quốc, 1982	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị học	
154	Thái Kim Phong, 1977	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị học	
155	Lê Văn Quý, 1960	Thạc sĩ	Kinh tế	Quản trị học	
156	Hoàng Văn Trung, 1982	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị học	
157	Trần Thị Siêm, 1980	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị học	
158	Hồ Thị Thu Hồng, 1983	Thạc sĩ	Kinh tế	Quản trị học	
159	Trần Nguyễn Kim Đan, 1979	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị học	
160	Trương Thị Thúy Vân, 1982	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị học	
161	Trần Quốc Tuấn, 1966	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị học	
162	Nguyễn Ngọc Hạnh			Quản trị học	
163	Hồ Thủy Tiên, 1969	PGS.TS	Tài chính	Chiến lược tài chính công ty	

			Ngân hàng	
164	Bùi Hữu Phước, 1959	TS	Tài chính Ngân hàng	Mô hình tài chính Quản trị tài chính công ty đa quốc gia
165	Trần Huy Hoàng, 1960	PGS.TS	Tài chính Ngân hàng	Ngân hàng thương mại
166	Nguyễn Thị Mỹ Linh, 1974	PGS.TS	Tài chính Ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp 1, 2 Hợp nhất, mua bán doanh nghiệp
167	Phan Đình Nguyên, 1975	PGS.TS	Tài chính Ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp 1, 2 Tài chính quốc tế
168	Trần Thị Diễm, 1967	Tiến sĩ	Tài chính Ngân hàng	Quản trị rủi ro tài chính
169	Trương Văn Khánh, 1974	Tiến sĩ	Tài chính Ngân hàng	Ngân hàng thương mại
170	Phan Thị Mỹ Hạnh, 1983	Tiến sĩ	Tài chính Ngân hàng	Tài chính quốc tế Tài chính hành vi Tài chính doanh nghiệp 1, 2
171	Nguyễn Phú Quốc, 1969	Thạc sĩ	Tài chính Ngân hàng	Phân tích tài chính doanh nghiệp
172	Phạm Thị Thu Hồng, 1965	Thạc sĩ	Tài chính Ngân hàng	Thẩm định dự án đầu tư Hoạch định ngân sách vốn đầu tư
173	Trần Phạm Trác, 1974	Thạc sĩ	Tài chính Ngân hàng	Toán tài chính
174	Nguyễn Mậu Bá Đăng, 1982	Thạc sĩ	Tài chính Ngân hàng	Ngân hàng thương mại Thị trường chứng khoán
175	Nguyễn Vũ Duy	Thạc sĩ	Tài chính Ngân hàng	Thị trường chứng khoán phái sinh Quản lý danh mục đầu tư Ngân hàng thương mại
176	Trần Văn Trung, 1977	Thạc sĩ	Tài chính Ngân hàng	Thị trường chứng khoán Quản lý danh mục đầu tư
177	Nguyễn Ngọc Thảo Trang	Thạc sĩ	Tài chính Ngân hàng	Thị trường chứng khoán phái sinh Thị trường chứng khoán Ngân hàng thương mại
178	Phạm Thị Thanh Truyền, 1988	Thạc sĩ	Tài chính Ngân hàng	Nguyên lý và thực hành bảo hiểm
179	Hồ Thu Hoài, 1989	Thạc sĩ	Tài chính Ngân hàng	Nguyên lý và thực hành bảo hiểm Tài chính quốc tế

180	Lê Thị Thúy Hằng, 1983	Tiến sĩ	Tài chính Ngân hàng	Ngân hàng thương mại Thị Trường chứng khoán phái sinh	
181	Hồ Thị Lam, 1989	Thạc sĩ	Tài chính Ngân hàng	Quản trị rủi ro tài chính Mô phỏng đầu tư tài chính Đầu tư tài chính	
182	Nguyễn Văn Toàn, 1985	Thạc sĩ	Tài chính Ngân hàng	Quản trị rủi ro tài chính Mô hình tài chính Hợp nhất, mua bán doanh nghiệp	
183	Nguyễn Thị Hoa, 1977	Thạc sĩ	Tài chính Ngân hàng	Đầu tư tài chính Mô phỏng đầu tư tài chính	
184	Nguyễn Thị Ngọc Loan, 1981	Thạc sĩ 2009	Tài chính Ngân hàng	Đầu tư tài chính Quản trị rủi ro tài chính	
185	Trần Nam Hương, 1969	Thạc sĩ	Tài chính Ngân hàng	Tiền tệ, ngân hàng và TTTC 2	
186	Phạm Quỳnh Châu, 1977	Tiến sĩ	Tài chính Ngân hàng	Ngân hàng thương mại Thị trường chứng khoán	
187	Nguyễn Thị Mỹ Linh, 1982	Thạc sĩ	Tài chính Ngân hàng	Tiền tệ, ngân hàng và TTTC 2	
188	Tô Thị Hồng Gấm, 1984	Thạc sĩ	Tài chính Ngân hàng	Ngân hàng thương mại	
189	Nguyễn Vũ Thân, 1986	Thạc sĩ	Tài chính Ngân hàng	Ngân hàng thương mại Thị trường chứng khoán	
190	Trần Thị Kim Oanh, 1988	Tiến sĩ	Tài chính Ngân hàng	Tài chính quốc tế Đầu tư tài chính	
191	Nguyễn Xuân Bảo Châu, 1988	Thạc sĩ	Tài chính Ngân hàng	Tài chính quốc tế	
192	Lê Võ Đại Hải, 1989	Thạc sĩ	Tài chính Ngân hàng	Quản lý danh mục đầu tư Đầu tư tài chính	
193	Phạm Thị Quỳnh Nga, 1979	Thạc sĩ	Tài chính Ngân hàng	Ngân hàng thương mại	
194	Phan Thị Hương, 1983	Thạc sĩ	Tài chính Ngân hàng	Ngân hàng thương mại	

PHỤ LỤC 2
CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ ĐÀO TẠO

1. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

Số T T	Loại phòng học (phòng học, giảng đường, phòng học đa phương tiện, phòng học chuyên dụng)	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần
1	Phòng máy thực hành (306-Nguyễn Trọng Tuyển, Quận Tân Bình)	10	668,8	Máy tính	467	Phục vụ các học phần có thực hành trên máy tính
2	Phòng học ML (343/4)	4	217	Máy chiếu	1	Phục vụ các môn học lý thuyết
2	Phòng học ML (CS 02)	54	3.500	Máy chiếu	1	Phục vụ các môn học lý thuyết
3	Phòng học thường (CS 02)	23	2.188	Máy chiếu	1	Phục vụ các môn học lý thuyết
4	Phòng đa năng (CS 02)	4	189	Máy chiếu	1	Phục vụ các môn học lý thuyết
5	Phòng học ML (778NK)	23	1.979	Máy chiếu	1	Phục vụ các môn học lý thuyết
6	Phòng học thường (778NK)	25	1.223	Máy chiếu	1	Phục vụ các môn học lý thuyết
7	Phòng thực hành (778NK)	1	86	Máy chiếu	1	Phục vụ các môn học lý thuyết
8	Phòng học ML (CS Q9)	20	1.516	Máy chiếu	1	Phục vụ các môn học lý thuyết
9	Phòng học thường (CS Q9)	50	4.712	Máy chiếu	1	Phục vụ các môn học lý thuyết
10	Phòng thực hành (CS Q9)	10	1.248	Máy tính	389	Phục vụ các học phần có thực hành trên máy tính

11	Phòng đa năng (CS Q9)	1	104	Máy chiếu	1	Phục vụ các học phần lý thuyết, thực hành
12	Phòng học thường (CS TXS-B)	6	420	Máy chiếu	1	Phục vụ các môn học lý thuyết
13	Phòng Lab tiếng Anh (CS TXS-B)	3	270	Máy tính	147	Phục vụ các học phần tiếng Anh
14	Phòng thực hành CS TXS-B)	4	360	Máy tính	172	Phục vụ các học phần thực hành trên máy tính
15	Phòng đa năng (CS TXS-B)	5	240	Máy chiếu	1	Phục vụ các học phần lý thuyết, thực hành
16	Phòng học ML (CS TXS-A)	45	4.815	Máy chiếu	1	Phục vụ các môn học lý thuyết
17	Phòng đa năng (CS TXS-A)	1	43	Máy chiếu	1	Phục vụ các học phần lý thuyết, thực hành

2. Thư viện, giáo trình, sách, tài liệu tham khảo

2.1 Thư viện

- Tổng diện tích thư viện: 2.080 m², trong đó có 1.300 m² là diện tích phòng đọc. Thư viện được đặt tại các cơ sở:
 - o Cơ sở 1: 2/4 Trần Xuân Soạn, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7.
 - o Cơ sở 2: 2C Phổ Quang, Phường 2, Quận Tân Bình.
 - o Cơ sở 3: B2/1A Đường 385, Phường Tăng Nhơn Phú A, Quận 9.
- Số chỗ ngồi: 300; Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: 101
- Phần mềm quản lý thư viện: PSC Zlis 7.0
- Đã có thư viện điện tử, đã kết nối với các cổng thông tin điện tử như:
 - o Cổng thông tin Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ.
 - o Cơ sở dữ liệu sách điện tử IGP.
 - o Cơ sở dữ liệu kết quả nghiên cứu quốc gia.
 - o Ebooks của Nhà xuất bản Tổng hợp.
 - o Cơ sở dữ liệu điện tử Proquest.
- Tài liệu tham khảo tại thư viện:
 - o Số lượng đầu sách dạng in: 14.413; bao gồm sách tiếng Anh và tiếng Việt.

- Tài liệu học tập các môn cơ sở và chuyên ngành du lịch, khách sạn, nhà hàng: 389 nhan đề /1733 bản.
- Số lượng tựa tạp chí: 41.
- Số lượng đầu sách, tài liệu điện tử:
 - Luận văn Thạc sỹ: 2.057 tựa; Chuyên đề tốt nghiệp: 70 tựa;
 - Tài liệu nghiên cứu khoa học: 12 tựa; Bài giảng: 54 tựa;
 - Tài liệu thuê quyền truy cập từ NXB Tổng hợp: 300.

2.2 Giáo trình, sách, tài liệu tham khảo

STT	Tên Giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho học phần
1	Strategic Financial Management	Robert Alan Hill	2009	Ventus Publishing ApS		Chiến lược công ty
	Principles of Corporate Finance, 10e	Brealey, Myers, and Allen	2013	McGraw-Hill/Irwin		Chiến lược công ty
	Bài giảng “Chiến lược công ty”	Tập thể giảng viên	2019			Chiến lược công ty
2	Mergers, acquisitions, and other restructuring activities: An integrated approach to process, tools, cases, and solutions	DePamphilis, D.	2015	Academic Press		Mua bán và sáp nhập
	Bài giảng “Mua bán và sáp nhập”	Tập thể giảng viên	2019			Mua bán và sáp nhập
3	International financial management 13 th	Jeff Madura	2017	Cengage Learning		Tài chính quốc tế
	Tài chính quốc tế	Hồ Thủy Tiên	2019	Trường ĐH Tài chính – Marketing		Tài chính quốc tế

STT	Tên Giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho học phần
	Bài giảng	Tập thể giảng viên	2019	Bài giảng		Tài chính quốc tế
4	Đầu tư tài chính	Võ Thị Thúy Anh	NXB Tài chính	2014		Đầu tư tài chính
	Phân tích và đầu tư chứng khoán	Bùi Thị Kim Yến	NXB Tài Chính	2013		Đầu tư tài chính
5	Hoạch định ngân sách vốn đầu tư	Lê Thị Lanh (Chủ biên)	NXB Lao Động	2011		Hoạch định ngân sách vốn đầu tư
	Tài chính doanh nghiệp 1	Bùi Hữu Phước	Trường Đại học Tài chính-Marketing	2017		Hoạch định ngân sách vốn đầu tư
	Giáo trình thiết lập và thẩm định dự án đầu tư	Phước Minh Hiệp	NXB Lao Động- Xã hội	2011		Hoạch định ngân sách vốn đầu tư
6	Mô hình tài chính	Bùi Hữu Phước (Chủ biên)	Lưu hành nội bộ	2019		Lập mô hình tài chính
	Financial Modeling & valuation	Paul Pignataro	Published by John Wiley & Sons	2013		Lập mô hình tài chính
7	Đầu tư tài chính	Võ Thị Thúy Anh	NXB Tài chính	2014		Mô phỏng đầu tư tài chính
	Phân tích và đầu tư chứng khoán	Bùi Kim Yến	NXB Tài chính	2013		Mô phỏng đầu tư tài chính
	Quản lý danh mục đầu tư	Hoàng Văn Quỳnh và Cao Minh Tiến	NXB Tài chính	2017		Mô phỏng đầu tư tài chính
8	Báo cáo tài chính (Phân tích, dự báo và định giá)	Phạm Thị Thủy	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân	2013		Phân tích tài chính doanh nghiệp
	Giáo trình phân tích doanh nghiệp	Ngô Thế Chi	NXB Tài chính	2015		Phân tích tài chính doanh nghiệp

STT	Tên Giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho học phần
	Phân tích tài chính doanh nghiệp	Ngô Kim Phụng (chủ biên)	Đại học Ngân hàng.	2018		Phân tích tài chính doanh nghiệp
9	Phân tích chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư	Bùi Kim Yên	NXB Thống Kê	2014		Quản trị danh mục đầu tư
	Đầu tư tài chính	Phan Thị Bích Nguyệt	NXB Thống Kê	2006		Quản trị danh mục đầu tư
10	Multinational Financial Management	ALan C. Shapiro	Wiley	10 th edition		Quản trị tài chính công ty đa quốc gia
	International Financial management	Jeff Madura	Thompson South-Western	11th edition, 2012		Quản trị tài chính công ty đa quốc gia
	Tài chính công ty đa quốc gia	Phan Thị Nhi Hiếu (chủ biên)	NXB Kinh tế TP HCM	2015		Quản trị tài chính công ty đa quốc gia
11	Sản phẩm phái sinh và quản trị rủi ro tài chính	M. Chance Don; Robert Brooks	Cengage Learning	2015		Quản trị rủi ro tài chính
	Futures, Options, and Other Derivatives seventh edition.	John Hull		2012		Quản trị rủi ro tài chính
12	Corporate Finance	Ross, Westerfield, Jaffe	McGraw Hill	11th Edition		Tài chính doanh nghiệp 1
	Tài chính doanh nghiệp 1	Bùi Hữu Phước (chủ biên)	Trường Đại học Tài chính Marketing	2017		Tài chính doanh nghiệp 1
	Tài chính doanh nghiệp	Bùi Văn Vân, Vũ Văn Ninh	NXB Tài Chính	2016		Tài chính doanh nghiệp 1
	Tài chính doanh nghiệp	Vũ Việt Quảng, Trần Hải Lý, Nguyễn Thị Liên Hoa, Dương Kha, Từ thị Kim Thoa	NXB Kinh Tế TP.HCM	2017		Tài chính doanh nghiệp 1

STT	Tên Giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho học phần
13	Corporate Finance	Ross, Westerfield, Jaffe	McGraw Hill	11th Edition		Tài chính doanh nghiệp 2
	Tài chính doanh nghiệp	Bùi Hữu Phước (chủ biên)	NXB Tài chính	2015		Tài chính doanh nghiệp 2
	Tài chính doanh nghiệp	Bùi Văn Vân, Vũ Văn Ninh	NXB Tài Chính	2016		Tài chính doanh nghiệp 2
	Tài chính doanh nghiệp	Vũ Việt Quang, Trần Hải Lý, Nguyễn Thị Liên Hoa, Dương Kha, Từ thị Kim Thoa	NXB Kinh Tế TP.HCM	2017		Tài chính doanh nghiệp 2
14	Tài chính hành vi: tâm lý học, ra quyết định, và thị trường	Lê Đạt Chí (chủ biên)	NXB Kinh Tế	2013		Tài chính hành vi
15	Toán tài chính	Bùi Hữu Phước	NXB Tài chính	2010		Toán tài chính
	Toán tài chính	Bùi Phúc Trung	NXB Thống kê	2011		Toán tài chính
	Toán tài chính	Nguyễn Ngọc Định (chủ biên)	NXB Tài chính	2008		Toán tài chính
16	Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư	Bộ môn Quản trị dự án – tài chính, Trường ĐH Kinh tế TP.HCM,	NXB Thống kê	2009		Thẩm định dự án đầu tư
	Hoạch định ngân sách vốn đầu tư	Lê Thị Lan (Chủ biên)	NXB Lao Động	2011		Thẩm định dự án đầu tư
	Tài chính doanh nghiệp 1	Bùi Hữu Phước (chủ biên)	Trường Đại học Tài chính Marketing	2018		Thẩm định dự án đầu tư

